

## ĐẶC TRUNG TƯ DUY CỦA LÊ QUÝ ĐÔN THỂ HIỆN TRONG *THƯ KINH DIỄN NGHĨA*<sup>(\*)</sup>

**Lương Mỹ Vân<sup>(\*\*)</sup>**

<sup>(\*\*)</sup> Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: myvanluong@gmail.com

Nhận ngày 11 tháng 10 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 12 năm 2022.

**Tóm tắt:** Bài viết nhằm tìm hiểu những nét đặc sắc trong lối tư duy của Lê Quý Đôn (1726 - 1784) thể hiện trong *Thư kinh diễn nghĩa*. *Thư kinh diễn nghĩa* là tác phẩm kinh học còn lại duy nhất của Lê Quý Đôn, được viết khi ông đang ở độ chín về tư tưởng, nên thể hiện rõ nét những đặc trưng về mặt tư duy của ông. Đầu tiên, có thể thấy *Thư kinh diễn nghĩa* thể hiện tư duy của một nho học giả Tinh lý học điển hình, nhưng cũng có những nét khác biệt phân biệt với các nhà Tinh lý học khác. Thứ nữa, *Thư kinh diễn nghĩa* cho thấy tư duy của Lê Quý Đôn có tính thực tiễn và thực dụng, không cứng nhắc và giáo điều, dựa chắc trên hiện thực. Ngoài ra, tư duy của ông mang tính động và rất linh hoạt. Việc đề cao sự linh hoạt, đề cao trí lực, cùng lập trường dựa chắc trên hiện thực còn dẫn tới một đặc điểm khác trong tư duy của ông: tính dung hợp, tổng hợp. Các đặc điểm ấy của tư duy Lê Quý Đôn đã góp phần xác định vị trí của ông với tư cách nhà tư tưởng độc đáo trong lịch sử tư tưởng Việt Nam thời phong kiến.

**Từ khóa:** Lê Quý Đôn, *Thư kinh diễn nghĩa*, phong cách tư duy, kinh học, Tinh lý học Việt Nam.

Lê Quý Đôn (1726 - 1784) là một trong những tác gia lớn nhất trong lịch sử tư tưởng phong kiến Việt Nam, nhà tư tưởng điển hình của thế kỷ XVIII - thế kỷ mà Nho học Việt Nam phát triển đến đỉnh cao. Để làm nên vị thế đó của Lê Quý Đôn, một phần rất quan trọng là ở số lượng đồ sộ các tác phẩm mà ông đã biên soạn và sáng tác: tác giả của sách *Lê Quý Đôn nhà tư tưởng Việt Nam thế kỷ XVIII* cho rằng, Lê Quý Đôn đã để lại hơn 50 tác phẩm. Còn theo các tác giả của *Lê Quý Đôn nhà bác học Việt Nam thế kỷ XVIII*,

hiện nay còn 13 tác phẩm có thể khẳng định là của Lê Quý Đôn<sup>1</sup>. Trong một truyền thống tư tưởng vốn không quá coi trọng hoạt động trừ thuật (phải đến chính

<sup>(\*)</sup> Bài viết lấy từ Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: “*Kinh học nho gia ở Việt Nam và Đông Á: di sản và giá trị*” do Nhà xuất bản - Phòng đọc Duxiu, Trường Đại học Sư phạm Quảng Tây, Viện Triết học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Khổng Tử tại Trường Đại học Hà Nội phối hợp tổ chức tại Hà Nội ngày 23-24 tháng 4 năm 2022.

<sup>1</sup> Xem: Hà Thúc Minh (1998), *Lê Quý Đôn nhà tư tưởng Việt Nam thế kỷ XVIII*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.59; Tập thể tác giả (1979), *Lê Quý Đôn nhà bác học Việt Nam thế kỷ XVIII*, Ty Văn hóa thông tin tỉnh Thái Bình xuất bản, tr.13-16.

thời Lê Quý Đôn ta mới thấy sự bắt đầu tiến triển của hoạt động này), riêng số lượng các tác phẩm như vậy đã cho thấy sự khác biệt và nổi bật của Lê Quý Đôn so với các nhà tư tưởng đương thời. Không chỉ thế, về mặt nội dung, các trứ tác của ông đều có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của học thuật Việt Nam cũng như của lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Trong số 13 tác phẩm được nói đến ở trên, *Thư kinh điển nghĩa* có một vị trí đặc biệt không chỉ đối với tư tưởng của cá nhân Lê Quý Đôn, mà còn với lịch sử Nho giáo Việt Nam nói riêng và lịch sử tư tưởng Việt Nam nói chung. Xét riêng khía cạnh trứ thuật và tư tưởng của Lê Quý Đôn, *Thư kinh điển nghĩa* là sách giải thích kinh điển duy nhất còn lại. Theo tác giả của bài viết “Lê Quý Đôn tiên sinh tiểu sử”, Lê Quý Đôn đã soạn các sách giải thích *Kinh Dịch*, *Xuân Thu*, *Thi*, *Thư*, *Lễ*<sup>2</sup>, nhưng hiện giờ trừ *Thư kinh điển nghĩa*, những sách khác đều đã thất lạc. *Thư kinh điển nghĩa* cũng là một trong số ít các sách thuần túy lý luận (dù mục đích viết sách có nhấn mạnh tính thực tế), do đó chứa đựng rất nhiều tư tưởng triết học của Lê Quý Đôn với tư cách một học giả Nho giáo. Từ những tư tưởng, những lập luận, những quan điểm về các vấn đề của Lê Quý Đôn, ta có thể thấy được đặc trưng của lối tư duy của ông. Đó là những đặc điểm nổi bật khiến cho Lê Quý Đôn trở thành nhà nho điển hình của thế kỷ XVIII và nhà tư tưởng độc đáo trong lịch sử tư tưởng dân tộc.

“Đặc trưng tư duy của Lê Quý Đôn” nên được hiểu như thế nào? Mặc dù ở đây có xuất hiện từ “tư duy”, nhưng trong bài viết này, chúng tôi không đặt ra mục đích tìm hiểu nhận thức luận của Lê Quý Đôn, tức là những quan điểm của ông về bản chất của nhận thức, nguồn gốc của tri thức, các giai đoạn của quá trình nhận thức và lĩnh hội tri thức v.v.. Ở đây chúng tôi cũng không tìm hiểu các quan điểm của Lê Quý Đôn, mà là bàn luận những tính chất về mặt nhận thức của các quan điểm ấy (được thể hiện ra ở những quan điểm ấy). Chúng tôi cũng không có ý định dựa trên nhận thức luận, đặc biệt nhận thức luận phương Tây hiện đại, để xem xét tư duy của Lê Quý Đôn.

Trong bài viết này chúng tôi chỉ xem xét “tư duy”, “đặc trưng tư duy” với những nghĩa cơ bản và thông thường. Theo đó, tư duy là quá trình suy nghĩ một cách có logic về một vấn đề nào đó. Tư duy không đơn thuần là “suy nghĩ”, mà chứa đựng tính chất “suy lý”, là quá trình suy luận và thể hiện ra ở những luận điểm, luận cứ, luận chứng về đối tượng. Áp dụng trong bài viết này, có thể thấy ta không xem xét toàn bộ “suy nghĩ” của Lê Quý Đôn mà chỉ tìm kiếm tính chất của tư duy duy lý nơi ông được thể hiện qua những luận điểm về các vấn đề trong *Thư kinh điển nghĩa*.

<sup>2</sup> Xem: *Lê Quý Đôn tiên sinh tiểu sử* (黎桂堂先生小史), Tạp chí Nam Phong, chữ Hán, số 145, 1930, tr.63.

“Đặc trưng” về tư duy (duy lý) của Lê Quý Đôn được thể hiện trong các trứ tác của ông. Tác phẩm của Lê Quý Đôn để lại tương đối nhiều, như trên chúng ta đã đề cập, hiện những sách có thể chắc chắn là của Lê Quý Đôn có 13 tác phẩm ở các thể loại khác nhau. Những sách chuyên bàn về triết học (Nho học) thì sẽ chứa đựng nhiều hơn các đặc trưng về tư duy (suy lý) của ông. Trong số các sách ấy có *Thư kinh diễn nghĩa*.

Tên gọi *Thư kinh diễn nghĩa* (書經衍義) nghĩa là triển khai rộng các ý nghĩa, nghĩa lý của *Kinh Thư* - một trong các kinh điển của Nho giáo. *Thư kinh diễn nghĩa* được viết khi Lê Quý Đôn đang ở độ chín về tư tưởng. Điều đó có nghĩa là *Thư kinh diễn nghĩa* có thể chứa đựng những đặc trưng tư duy của Lê Quý Đôn ở giai đoạn tư tưởng của ông đã hoàn toàn được định hình và phát triển.

*Thư kinh diễn nghĩa* là tác phẩm kinh học còn lại duy nhất của Lê Quý Đôn. Tác phẩm kinh học - trứ tác khảo cứu kinh điển - có thể coi là loại trứ tác tương đối đặc trưng của Nho học. Như chúng ta đã biết, truyền thống Nho học coi một hệ thống trên dưới 10 tác phẩm cổ xưa là “kinh điển”, phổ biến nhất là hệ thống Ngũ kinh - Tứ thư (*Kinh thi, Kinh thư, Kinh lễ, Kinh dịch, Kinh Xuân Thu - Luận ngữ, Mạnh Tử, Trung dung, Đại học*). Đó là các sách được thánh nhân (Khổng Tử) biên soạn hoặc viết ra, mỗi lời trong đó được các nhà nho coi như chân lý. Nhà nho các đời viết sách chú giải các kinh

điển ấy, giải thích ý tứ của thánh hiền và tiếp nhận hoặc phê phán cách giải thích của những người đi trước, các sách đó cùng các cuộc luận tranh và tên tuổi các học giả có liên quan đã tạo thành lịch sử kinh học kéo dài suốt từ thời Hán (Trung Quốc) và ở mọi quốc gia chịu ảnh hưởng của Nho giáo, cho đến đầu thế kỷ XX khi Nho học chấm dứt sự tồn tại của nó. Sách giải thích kinh điển chứa đựng các lý luận chủ yếu của Nho học, không chỉ của Khổng Tử (từ kinh điển) mà của bản thân những người chú giải. Theo đó, *Thư kinh diễn nghĩa* với tư cách một tác phẩm kinh học cũng chứa đựng tất cả những đặc điểm về lý luận và tư duy như vậy. Để tìm hiểu những “đặc trưng” trong tư duy của Lê Quý Đôn, thì *Thư kinh diễn nghĩa* có thể được xem là một trong những tác phẩm tiêu biểu và quan trọng hơn cả.

*Thư kinh diễn nghĩa* là một trong số ít các tác phẩm có thể xem là thuần túy lý luận của Lê Quý Đôn. Là tác phẩm chú giải *Kinh thư, Thư kinh diễn nghĩa* bàn bạc các vấn đề mà *Kinh thư* đề cập: đức độ của thánh vương các đời, nền tảng lý luận và tính chính đáng của việc nắm quyền lực chính trị, các đường lối và hoạt động trị nước cụ thể v.v.. *Thư kinh diễn nghĩa* - không đưa vấn đề tranh luận kim - cổ vào nội dung tìm hiểu, mà đã theo đúng nội dung của nguyên văn *Kinh thư* tiêu chuẩn (bản được sử dụng rộng rãi nhất, được Thái Thẩm học trò của Chu Hi làm truyện) để triển khai, nên gồm có 58 thiên. Lê Quý Đôn không chú giải tỉ mỉ từng câu từng

chữ như các sách chú giải khác (ví dụ *Thư tập truyện* của Thái Thẩm), mà chủ yếu diễn giải theo cả thiên, ông xem xét các vấn đề được đặt ra ở mỗi thiên sách, đưa ra các đánh giá của mình, những dẫn chứng cho lời của thánh hiền hoặc giải thích rộng nghĩa của những lời ấy. Qua nội dung của *Thư kinh điển nghĩa*, có thể thấy những đặc điểm như sau về tư duy của Lê Quý Đôn.

Đầu tiên, điểm rõ rệt nhất có thể thấy, qua từng lời giải thích của *Thư kinh điển nghĩa*, đó là tư duy của Lê Quý Đôn là tư duy của một nhà nho điển hình. Cụ thể hơn, *Thư kinh điển nghĩa* cho thấy một thế giới quan mang tính Tống Nho (Tính lý học) điển hình. “Thế giới quan” là cái nhìn tổng hợp bao trùm về thế giới và cuộc sống. Cái nhìn ấy ở bên dưới và ảnh hưởng đến mọi quan niệm khác trong tư duy của mỗi người. Ở Lê Quý Đôn, ông nhìn sự vật và hiện tượng thông qua các quan niệm, khái niệm của Tống Nho. Thế giới được ông hình dung qua mối quan hệ giữa lý - khí, âm dương, ngũ hành, sự tương sinh tương khắc của các yếu tố đó, trời và người có mối quan hệ giao cảm, tương ứng, con người là trung tâm của trời đất và tối linh trong muôn loài; xã hội là tập hợp các mối quan hệ cương thường, dân chúng có “thiên tính” chính là cái lý ở nơi xã hội v.v.. *Thư kinh điển nghĩa* tuy là tác phẩm chú giải *Kinh thư* - một kinh điển về chính trị, nhưng cũng bộc lộ những quan điểm thế giới quan như vậy của Lê Quý Đôn khi ông bàn về các nguyên lý của sự cai trị. Ta có thể đọc thấy trong thiên “*Hồng phạm*”

của *Thư kinh điển nghĩa* những dòng như sau: “Trời phân tách khí, đất hoàn bị chất, khí chất ấy là ngũ hành. Rồi vạn vật nhờ đó mà thành hình, người ta bầm thụ khí để thành hình, tu thân để định mệnh, thế là ngũ sự, rồi mới bảo vệ hoàn toàn được khí thái hoà của trời đất”<sup>3</sup>; “Đầy rẫy trong trời đất đều là khí cả. Núi sông, loài người, loài vật, cỏ cây, cầm thú, côn trùng đều là loại hữu hình mà có đủ khí ấy vậy. Khí ấy điều hoà thì tốt lành, khí ấy ngang trái không hợp thì quái lạ”<sup>4</sup>.

Đây là những lời diễn giải cho trù thứ nhất “ngũ hành”, trù thứ hai “ngũ sự” và trù thứ tám “thứ trung” trong cửu trù - chín phạm trù lớn, nguyên lý của toàn bộ nền chính trị. Nguyên văn *Kinh thư* viết về “ngũ hành”, “ngũ sự” và “thứ trung” chi liệt kê và giải thích đơn giản về các yếu tố đó, ví dụ ngũ hành là nước, lửa, gỗ, kim loại và đất, và nước thì “thâm xuống dưới”, lửa thì “bốc lên trên” v.v..<sup>5</sup>. Lê Quý Đôn khi giải thích về ngũ hành, ngũ sự, thứ trung đã đưa thêm vào đó các quan niệm của Tống Nho, lý khí, hình chất, việc bầm thụ, khí điều hoà hay ngang trái v.v., bởi ông hình dung về thế giới thông qua các quan niệm đó. Thiên “*Thái thế thượng*”, giải thích lời của *Kinh thư* rằng, “trời đất là cha mẹ của muôn vật, người là

<sup>3</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Thư kinh điển nghĩa*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.150.

<sup>4</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.163.

<sup>5</sup> Xem: Khổng Tử (Trần Lê Sáng, Phạm Kỳ Nam dịch chú) (2004), *Kinh thư*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.295.

linh trường của muôn vật, kẻ thông minh hơn cả thì làm vua, vua là cha mẹ dân”<sup>6</sup>. Lê Quý Đôn viết: “Trời đất sinh thành, nuôi dưỡng muôn vật, ban cho loài người mọi đức tính. Loài vật chỉ được trời phú bẩm cho một cách phiến diện, còn loài người thì được cho thiên tính một cách hoàn toàn. Thánh nhân là bậc siêu việt trong loài người, [có sứ mệnh] ức chế sự thái quá, bổ cứu sự bất cập của trời đất, làm cho loài người thoả mãn đời sống, dạy dân biến hoá khí chất, yên giữ đạo trời, để loài người có thể giữ được chân tính”<sup>7</sup>.

Có thể thấy, nếu nguyên văn kinh điển chỉ có các ý về mối quan hệ giữa trời đất và con người và trong xã hội loài người có kẻ đứng đầu là vua, thì ở câu giải thích của Lê Quý Đôn đã có thêm các yếu tố của thể giới quan Tống Nho như là cái được trời phú bẩm; loài người được ban cho đầy đủ thiên tính, muôn vật khác thì không; nghĩa vụ của thánh nhân là làm cho loài người giữ được cái thiên tính ấy, v.v.. Như vậy, tư duy của Lê Quý Đôn có nền tảng thể giới quan mang tính chất của Nho giáo Tống, không phải “Nho giáo” nói chung mà là Tống Nho - một hệ thống tri thức có những đặc điểm khác so với Nho giáo thời trước (Nho giáo Tiên Tần, Hán Nho) nhưng cũng là sự tổng hợp, phát triển và bổ sung các lý luận của Nho giáo các thời trước đó. Mọi nhận thức và lý luận của Lê Quý Đôn đều được tạo dựng trên nền tảng thể giới quan ấy.

Tuy vậy, nếu tư duy của Lê Quý Đôn chỉ là cố nền tảng thể giới quan mang tính

Nho giáo thời Tống, thì đó chỉ là “tính chất” chứ không phải “đặc trưng”, bởi nó không khiến cho tư duy của Lê Quý Đôn khác biệt hơn so với các nhà tư tưởng ở mọi xã hội chịu ảnh hưởng của Nho giáo đương thời, vốn hầu như đều có nền tảng thể giới quan Tống Nho. Điểm khác biệt trong nền tảng thể giới quan của Lê Quý Đôn, như tác giả Lâm Nguyệt Huệ trong bài viết “Học thuyết lý khí của Lê Quý Đôn”<sup>8</sup> đã chỉ ra, là ở sự dung hợp vũ trụ luận khí hoá thời Lương Hán và nhấn mạnh tính đa dạng của “phong khí”, dung hợp cả các thuyết phong thủy, quỷ thần dựa trên phong tục tập quán Việt Nam. Những điểm này có thể được thấy rõ trong các bản luận trực tiếp của Lê Quý Đôn về lý - khí trong sách *Vân đài loại ngữ*. Trong *Thư kinh điển nghĩa*, đặc điểm này thể hiện ở chỗ, như ta thấy trong dẫn chứng về giải thích của Lê Quý Đôn về ngũ hành, ngũ sự và thứ trung, Lê Quý Đôn chỉ nhắc đến “khí”, bởi ông đặc biệt “hứng thú với vũ trụ luận khí hóa”<sup>9</sup> chứ không phải với các vấn đề hình nhi thượng học (lý). Điểm này khiến cho cái nhìn của ông về sự vật và hiện tượng có tính chất rất sinh động, vận động và biến hoá. Ngoài ra, các luận điểm trong *Thư kinh điển nghĩa* còn thể hiện rằng, Lê Quý Đôn tin vào trời với tư cách một đấng siêu nhiên, tin vào các

<sup>6</sup> Khổng Tử (Trần Lê Sáng, Phạm Kỳ Nam dịch chú) (2004), *Sđđ.*, tr.285.

<sup>7</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.129.

<sup>8</sup> Xem: Yueh-hui Lin (2020), *Lê Quý Đôn's theory of Li-qi*, *Asian Studies VIII (XXIV)*, 2 (2020) [DOI: 10.4312/as.2020.8.2.51-77], tr.75.

<sup>9</sup> Yueh-hui Lin (2020), *Sđđ.*, tr.62-63.

thuyết phong thủy, việc bói toán, không xem đó là mê tín hoang đường. Ông lập luận rất nhiều về mệnh trời, sự cảm ứng giữa lòng trời với ý dân. Ông viết về việc bói toán như sau: “Chinh phạt là việc lớn, bói để xem mệnh trời lành hay dữ, chỉ là để bói xem lòng người thế nào mà thôi. (...) *Kinh thi* nói: “Đem việc ấy hỏi quan chiêm mộng”. *Kinh thư* nói: “khi mưu tính việc gì thì phải bói rùa, và bói cỏ thi”. Vậy khi quyết đoán công việc lớn, giải quyết mối nghi ngờ lớn, thật không thể bỏ việc bói được”<sup>10</sup>.

Việc bói toán cũng như các thuyết phong thủy, trong quan niệm của Lê Quý Đôn, là các phương tiện, công cụ để xem xét sự tương cảm, tương ứng giữa con người và trời đất. Những niềm tin này của ông hoà trộn cùng với quan niệm về lý khí - tuy dựa trên nguyên lý của Tống Nho lại đặc biệt nhấn mạnh bộ phận hình nhi hạ, nhấn mạnh các khía cạnh khí hóa, từ đó tạo ra một màu sắc khác biệt của thế giới quan của Lê Quý Đôn, cũng là một nét đặc sắc trong lối tư duy của ông so với tư duy Tống Nho truyền thống. Như vậy, từ phương diện thế giới quan, *Thư kinh điển nghĩa* cho thấy Lê Quý Đôn có một tư duy Nho giáo nhưng có những nét khác biệt so với Nho học Tống vốn là lý luận quan phương đương thời.

Nền tảng căn bản của tư duy Lê Quý Đôn là thế giới quan Nho giáo, chủ yếu là Nho giáo Tống có thống nhất một cách mềm dẻo và dung hòa với các khía cạnh của Nho giáo Hán cũng như Nho giáo nguyên

thủy và các nét văn hóa truyền thống Việt Nam. Khi xem xét các vấn đề cụ thể trong *Thư kinh điển nghĩa*, như các vấn đề đức độ của vua và bề tôi, hoạt động của các vua thánh, thiên mệnh, các nguyên lý cai trị, nhiệm vụ của quan lại, các việc hình ngục, nghĩa vụ của vua và quan lại trong quan hệ với dân chúng v.v., thì những nét đặc trưng tư duy của Lê Quý Đôn được bộc lộ.

Một trong những đặc trưng đáng chú ý nhất của tư duy của Lê Quý Đôn là tính thực tiễn và thực dụng. Tư duy mang tính thực tiễn và thực dụng ở đây có thể được hiểu là lối suy tư, lập luận, phán đoán luôn dựa trên thực tế, hướng tới các mục tiêu thực tiễn. Tính chất này có thể được thấy ngay ở mục đích trữ thuật: *Thư kinh điển nghĩa*. Tuy là tác phẩm mang tính lý luận thuần túy, nhưng trong *Thư kinh điển nghĩa* lại được viết với một mục đích thực tiễn. Trong “Lời tựa” của sách này, Lê Quý Đôn nói rõ ý định của mình, rằng “cho những người làm tôi sau này trong khi xem sách và xét mình, thấy điều hay điều phải thì hăng hái phấn khởi, thấy điều xấu điều trái thì sợ hãi e dè, để mà chăm lo công nghiệp, giữ gìn chức vụ, họa chẳng có ích. Còn như noi gương điều lành, răn đe điều hại, giữ thịnh phòng suy, sách này cũng có thể để nhà vua xem luôn bên cạnh, dùng làm công cụ lấy đức trị dân”<sup>11</sup>. Như vậy, *Thư kinh điển nghĩa*

<sup>10</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sdd.*, tr.132.

<sup>11</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sdd.*, tr.57.

được viết ra không phải đơn thuần là để giải thích làm rõ kinh điển, mà chủ yếu để làm công cụ trị nước của vua và quan lại - một mục đích thực tế. Cuốn sách này cũng có rất nhiều lời khuyên, bài học rút ra từ các điển giải kinh điển cho các vấn đề chính sách và đức độ của vua và quan lại. Mục đích viết sách như vậy khiến cho *Thư kinh điển nghĩa* trở nên khác biệt so với nhiều sách giải thích *Kinh thư* khác trong lịch sử Thượng thư học, ví dụ như *Thư tập truyện* (書集傳) của Thái Thâm (thời Tống Trung Quốc).

Với mục đích hướng đến thực tiễn như vậy, trong “Lời tựa”, Lê Quý Đôn cũng cho thấy rõ thái độ của mình về vấn đề cổ - kim văn là vấn đề gây tranh cãi trong suốt lịch sử Thượng thư học. Theo ông, “vô luận cổ văn hay kim văn, thể chế và câu văn có khác nhau, nhưng đại để là theo đạo ấy thì trị, trái đạo ấy thì loạn, làm như thế thì thịnh vượng, không như thế thì suy vong”<sup>12</sup> và do đó, khi giải thích *Kinh thư*, ông không chú trọng đến việc phân biệt cổ văn hay kim văn, chân cổ văn hay ngụy cổ văn, mà giải thích toàn bộ kinh điển để từ đó đưa ra cái nhìn về chính trị và các chính sách cần thiết cho đối tượng ông hướng đến là vua và quan lại. Thái độ này mang tính thực tế rõ nét, bởi ông xuất phát từ nhu cầu của hiện thực chính trị chứ không phải của lý luận.

*Kinh thư* là kinh điển về chính trị. Trong *Thư kinh điển nghĩa*, Lê Quý Đôn dù không đưa ra định nghĩa cụ thể nhưng cho thấy cái nhìn của mình về chính trị.

Là một nhà nho, hơn nữa tư tưởng chịu ảnh hưởng của thế giới quan Nho giáo Tống, Lê Quý Đôn cũng nhìn nhận chính trị theo truyền thống Nho giáo: chính trị là hoạt động của vua và bách quan, hoạt động đó là do trời ra lệnh, là đưa dân chúng và xã hội trở về với bản tính vốn có, đến thái bình thịnh trị, điều quan trọng nhất trong chính trị là “đức” và hoạt động quan trọng nhất của chính trị là sự tu thân của vua. Tuy nhiên, ngay trong một quan niệm chính trị như vậy, Lê Quý Đôn cũng cho thấy các khía cạnh hiện thực trong tư duy của mình. Trong toàn bộ nội dung của *Thư kinh điển nghĩa*, có thể thấy Lê Quý Đôn coi “tu thân của vua” là một trong những công cụ/chính sách trị nước quan trọng nhất, nhưng “tu thân” cũng được ông xem xét trong toàn bộ hoạt động chính trị hiện thực của vua. Từ lời ca ngợi của Lê Quý Đôn dành cho hoạt động tu đức của Văn Vương<sup>13</sup>, có thể thấy tu thân không chỉ là ở yên một chỗ và phản tỉnh, không phải một quá trình hướng nội, mà còn được thực hiện ngay trong các hoạt động thực tế, trong quá trình giao tiếp với cộng đồng được thể hiện trong các mối quan hệ họ hàng, thần hạ, dân chúng, v.v.. Ngoài ra, tuy tu thân và giáo hoá được hết sức xem trọng, nhưng trong quan niệm của Lê Quý Đôn, đó không phải là toàn bộ nhiệm vụ của người làm chính trị. Ông

<sup>12</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.56.

<sup>13</sup> Xem: Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.134.

cho rằng: “Đặt thành kỷ cương, chỉ bảo bằng lễ nghĩa, công việc giáo hóa làm đến hết mức quá lắm cũng chỉ có thể làm cho bảy - tám phần mười [số người] theo điều thiện, chứ chưa chắc đã có thể làm cho phong tục đạt đến mười phần thuần hậu”<sup>14</sup>. Theo đó, bên cạnh việc tu đức và giáo hoá, chính trị còn là thực hiện các chính sách về pháp luật, quân sự, nông nghiệp, thuế khóa v.v.. Lê Quý Đôn hết sức nhấn mạnh vai trò của những chính sách đó, điều đó cho thấy ông là một nhà nho rất thực tế.

Quan điểm về chính trị của Lê Quý Đôn không cứng nhắc và giáo điều, không hư ảo lý tưởng, mà dựa chắc trên hiện thực. Ta thấy đặc tính này rất rõ nét qua nhiều chi tiết trong cả tác phẩm. Đối với quan điểm “thời Nghiêu Thuấn không dùng đến hình phạt”, Lê Quý Đôn cho rằng, quan điểm đó là không đúng. Quan điểm đó được đưa ra chủ yếu là để nhấn mạnh rằng nền chính trị lý tưởng (thời Nghiêu - Thuấn) không dùng đến luật pháp mà chỉ dựa vào giáo hóa và đức độ của kẻ làm chính trị. Lê Quý Đôn xem xét các sách vở để kết luận rằng “thời Ngu cũng có dùng nhục hình. Chứ đâu có phải đặt ra hình pháp mà lại không dùng, rồi cứ theo cách trị tội theo trang phục mà có thể làm cho người ta biết si nhục được”<sup>15</sup>. Trong thời xã hội đại đồng thì hình pháp vẫn được sử dụng, vai trò của hình pháp là cái không thể phủ nhận. Trong thiên “Khang cáo”, diễn nghĩa lời khen ngợi của Vũ Vương dành cho Văn Vương, Lê Quý

Đôn phát biểu một cách trực tiếp: “hai chữ “đức” và “hình” giống như âm với dương không thể bỏ đi một bên được”<sup>16</sup>. Ông còn cho thấy thái độ đề cao vai trò của hình pháp ở một chi tiết khác. Khi xem xét nguyên nhân vua Trụ (một trong hai hôn quân thời cổ đại) bị diệt, ông nói: “vua Trụ nhà Thương bị diệt không phải chỉ vì thất đức mà còn vì không giữ được luật pháp”<sup>17</sup>. Ngoài việc đề cao luật pháp, Lê Quý Đôn cũng nhấn mạnh các lĩnh vực cai trị thực tế khác. Xem xét câu nói của *Kinh thư* “vua là cha mẹ dân”, Lê Quý Đôn giải thích bằng các lý luận Tính lý học về vai trò của vua: người “có sứ mệnh ức chế sự thái qua, bổ cứu sự bất cập của trời đất, làm cho loài người thỏa mãn đời sống, dạy dân biến hoá khí chất, yên giữ đạo trời, để loài người giữ được chân tính”. Sau đó ông cũng nói thêm: câu “vua là cha mẹ dân” phải “hiểu gồm cả giáo và dưỡng mới đầy đủ”<sup>18</sup>. Trong tư tưởng Lê Quý Đôn, vua không chỉ có việc giáo hoá dân, mà còn phải lo cho đời sống vật chất của dân, khiến cho xã hội ổn định về mặt vật chất. Như vậy, giáo hóa không phải và không thể là đường lối chính trị duy nhất, bên cạnh đó còn có rất nhiều vấn đề thực tế khác, như hình pháp, đời sống vật chất

<sup>14</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.73.

<sup>15</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.67.

<sup>16</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.179.

<sup>17</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.128.

<sup>18</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.128.



v.v.. Điều này được Lê Quý Đôn nhấn mạnh bằng nhiều cách khác nhau trong *Thư kinh điển nghĩa*. Nó cho thấy một đường hướng suy tư dựa chắc vào thực tế.

Một đặc điểm nổi bật khác trong tư duy của Lê Quý Đôn được thể hiện rất rõ nét trong *Thư kinh điển nghĩa*, đó là tư duy của ông mang tính động (không tĩnh tại) và rất linh hoạt. Tư duy của Lê Quý Đôn thể hiện trong *Thư kinh điển nghĩa* có thể hình dung: Luôn vận động, như dòng nước không ngừng chảy. Điều này có thể thấy ở hầu hết mọi lập luận, mọi phán đoán của ông. Ngay từ các quan điểm thể giới quan cũng có thể nhận thấy tính “động” đó. Lê Quý Đôn nhấn mạnh khí, chủ yếu xem xét “vũ trụ luận” khí hóa. Trong hai yếu tố lý và khí, khí rõ ràng có tính “động” hơn, ở nhiều nhà tư tưởng “lý” không chỉ không động mà còn hoàn toàn tĩnh tại. Lê Quý Đôn ít xem xét lý, trong *Thư kinh điển nghĩa* cũng chỉ nhắc tới “khí”, bởi tư duy của ông hướng tới cái động và mang tính động.

Khi khen ngợi các đức tính của các vua thánh thời cổ đại, Lê Quý Đôn hết sức đề cao đức “tứ” ở vua Nghiêu và trí, dũng ở vua Thang. Ông viết: “Người chép sử khen sáu đức khâm, minh, văn, tứ, cung, nhượng của vua Nghiêu là đã đạt tới cực thịnh. Chữ “tứ” trong các đức đó không thể xem thường. Sự phân biệt thật giả, đối trá, phân tách sự lý, thông hiểu được các chí hướng của thiên hạ, làm nên việc cho thiên hạ, hoàn toàn do chữ “tứ” đó ra cả”<sup>19</sup>; và “Trọng Huý khi khen đức của vua Thang,

không khen gì khác, đầu tiên khen ngay đến dũng và trí. Có lòng dũng cảm thì quyết đoán được mọi việc; có trí tuệ thì mưu toan được cơ đồ. Định yên được muôn phương, làm nên được sự nghiệp lớn đều ở hai chữ “dũng” và “trí” ấy cả”<sup>20</sup>. “Tứ” (suy nghĩ) và “trí” (trí tuệ) có ý nghĩa tương tự nhau. Các đức “tứ”, “trí”, “dũng” so với các đức tính khác được nho học giả ưa thích như nhân, từ, cung, nhượng, v.v., thì rõ ràng có tính “động” và linh hoạt hơn. Lê Quý Đôn nhấn mạnh những đức tính này bởi hiệu quả thực tế của chúng, và cũng bởi bản thân tư duy của ông thiên về các mặt “động” ấy.

Khuynh hướng động và linh hoạt trong tư duy khiến Lê Quý Đôn đề cao sự quyền biến, phân tích và nhấn mạnh những mưu lược được thực hiện đúng thời cơ của thánh nhân cổ đại. Ông xem xét hoạt động của Thuấn khi được vua Nghiêu giao cho thử điều khiển chính sự trong ba năm và khi đã thực sự lên ngôi<sup>21</sup>, và thấy rằng thời gian trước Thuấn không làm những việc lúc đó đã rất cần giải quyết nhưng lại vượt ra ngoài chức phận, như xây dựng điển chương chế độ, trị tội những kẻ hung bạo; chỉ đến khi thực sự nắm quyền, Thuấn mới xử lý hết các công việc ấy. Lê Quý Đôn cho rằng, đó là Thuấn “có độ lượng sâu sắc,

<sup>19</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.58.

<sup>20</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.105.

<sup>21</sup> Xem: Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.64.

kín đáo”, đã thực hiện công việc đúng thời cơ. Ở thiên “Duyệt mệnh trung”, ông trích dẫn Dịch để giải thích kỹ câu nói của nguyên văn Kinh thư “hành động cần phải đúng thời cơ”<sup>22</sup>. Xem xét được hoàn cảnh xung quanh, bồi dưỡng sức mạnh của bản thân và nắm bắt được thời điểm thuận lợi để hành động cho có hiệu quả cao nhất, Lê Quý Đôn luôn nhấn mạnh những điểm ấy.

Đặc trưng tư duy của Lê Quý Đôn có tính động và linh hoạt, nghiêng về hoạt động trí lực, ưa thích sự quyền biến và linh động, nhưng lại không ủng hộ những biến động mạnh, những “thay đổi về chất” đặc biệt là những biến động trong xã hội. Ông viết: “Thời nghi có khi khác hẳn, sự tình có khi không giống nhau, không thể nào không thêm bớt chút ít, cân nhắc sửa đổi cho vừa thích đáng, mới có thể hợp với đạo trung, chứ không phải chính sách có gì tệ hại đáng bỏ hẳn, có gì tiện lợi đáng phát huy lên, mà đến nỗi phải một phen thay đổi lớn vậy”<sup>23</sup>. Đây rõ ràng là lập trường của một nhà nho điển hình - cái hướng đến sau cùng là sự ổn định của xã hội, phát triển cũng là để ổn định chứ không phải để xáo trộn. Có thể thấy, cái động của Lê Quý Đôn, ở cả lối tư duy lẫn lập trường tư tưởng, là cái động trong khuôn khổ Nho giáo. Tuy vậy, tính “động” này có ý nghĩa ở nhiều khía cạnh, đặc biệt nó cùng với lối tư duy thực tế đã giúp cho tư tưởng của Lê Quý Đôn không rơi vào giáo điều, cứng nhắc như những hạn chế mà Tống Nho ở thời ông (ở các

quốc gia khác như Trung Quốc, Hàn Quốc) đã mắc phải.

Việc đề cao sự linh hoạt, đề cao trí lực, cùng với lập trường dựa trên hiện thực của Lê Quý Đôn còn dẫn tới một đặc điểm khác trong tư duy của ông, đó là tính dung hợp, tổng hợp. Tính dung hợp, tổng hợp có nghĩa là trong khi suy tư và xem xét vấn đề, người ta không bó hẹp trong khuôn khổ của một cách nhìn duy nhất, mà mở rộng chấp nhận, tiếp thu và sử dụng cả những cách nhìn khác, để có được hình dung tổng quát và hướng giải quyết tốt nhất. Tính dung hợp, tổng hợp đòi hỏi một khả năng linh hoạt trong việc tiếp nhận và chọn lọc các hướng nhìn, cũng đòi hỏi một lập trường thực tế và sáng suốt để không rơi vào hư vô không chủ đích. Đặc điểm này có thể thấy được ở các nhà bách khoa thời kỳ khoảng thế kỷ XVIII - chính là trong thời kỳ của Lê Quý Đôn - ở nhiều quốc gia ví dụ như Hàn Quốc (các nhà bách khoa thuộc phái Thực học). Lê Quý Đôn cũng là một nhà bách khoa: các trứ tác của ông bao trùm nhiều lĩnh vực tri thức khác nhau - sử học, văn học, triết học, văn hoá học v.v., và có một số là sách tổng hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực. Trong *Thư kinh điển nghĩa*, một sách giải thích kinh điển, đặc trưng dung hợp, tổng hợp trong tư duy của ông có thể được thấy ở một số điểm như sau.

<sup>22</sup> Xem: Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sdd.*, tr.123.

<sup>23</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sdd.*, tr.249.

*Thứ nhất*, lượng tri thức lớn và mang tính tổng hợp được sử dụng trong tác phẩm. Các tri thức được vận dụng từ lịch sử, kinh điển khác của Nho giáo, đến tri thức về địa lý, thiên văn, Dịch đạo, pháp luật, các sách vở thuộc các trường phái tư tưởng khác v.v.. Khi xem xét thiên “Vũ công”, Lê Quý Đôn tìm hiểu các vùng đất được nói tới trong *Kinh thư* và vị trí tương ứng của chúng trong thời ông. Khi giải thích thiên “Hồng phạm”, Lê Quý Đôn vận dụng các kiến thức phong phú về Dịch để tìm hiểu cừu trừ và sự tương ứng của cừu trừ với Lạc thư và Bát quái của Văn Vương. Dịch giả của *Thư kinh điển nghĩa* nhận xét: để làm rõ *Kinh thư*, “Lê Quý Đôn đã dùng tới 342 đoạn văn bình giải, và dẫn ra hàng nghìn sự kiện ở hàng trăm cuốn sách khác nhau”<sup>24</sup>. Việc vận dụng một khối lượng lớn tri thức ở nhiều lĩnh vực đã cho thấy tầm nhìn rộng rãi và khả năng tổng hợp mạnh mẽ của tư duy Lê Quý Đôn.

*Thứ hai*, lượng kiến thức lớn được sử dụng chính là minh chứng cho quan điểm rộng mở của bản thân Lê Quý Đôn về việc lĩnh hội tri thức. Trong thiên “Duyệt mệnh hạ” của *Thư kinh điển nghĩa*, Lê Quý Đôn viết về nguyên tắc của sự lĩnh hội tri thức: “Hiểu nhiều biết rộng mới làm nên việc. (...) Biết xưa, hiểu nay, thích ứng được với thời thế, phù hợp được với phong tục. Như thế mới gọi là lối học kinh luân”<sup>25</sup>. Tri thức cần được tiếp thu rộng rãi cả xưa lẫn nay, hơn nữa cần được tiếp thu có

nguyên tắc và vận dụng một cách “thích ứng”. Lê Quý Đôn phê phán một số tác giả đọc rất nhiều nhưng “không soi vào những phép tắc từ xưa” nên “suy nghĩ viển vông mà khó thực hành”. Ở đây ta thấy cả khuynh hướng tổng hợp trong tư duy lẫn định hướng hiện thực của tư duy Lê Quý Đôn.

*Thứ ba*, tri thức được lĩnh hội không nhất định chỉ ở trong khuôn khổ Nho giáo. Điểm này được thể hiện rõ trong các tác phẩm mang tính tổng hợp tri thức của Lê Quý Đôn, nhưng ngay ở *Thư kinh điển nghĩa* cũng có thể thấy: Lê Quý Đôn khen ngợi sách vở của các tác giả Pháp gia, *Quản tử* của Quản Trọng, *Thương tử* của Thương Ưởng, cho rằng chúng nói về các vấn đề thực tế nhưng cũng là lý luận trị đạo, đều hợp lý và sát thực<sup>26</sup>. Thái độ rộng mở với các tri thức khác ngoài phạm vi Nho học như vậy không phải nhà nho nào cũng có, đặc biệt đối với các nhà Tính lý học và ở vào thời kỳ Tính lý học đã trở nên cực đoan như đương thời Lê Quý Đôn ở Trung Quốc và Hàn Quốc.

Tóm lại, *Thư kinh điển nghĩa* tuy là tác phẩm kinh học, bám sát nội dung của kinh điển *Kinh thư*, nhưng là tác phẩm lý luận được viết ở thời kỳ tư tưởng của Lê Quý Đôn đạt đến độ chín, nên xuyên

<sup>24</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.17.

<sup>25</sup> Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.124-125.

<sup>26</sup> Xem: Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền dịch) (2014), *Sđđ.*, tr.125.

suốt các vấn đề được bàn luận đã bộc lộ nhiều đặc điểm nổi bật của tư duy của tác giả Lê Quý Đôn: một nhà nho Tính lý học có cái nhìn thực tế, “động” và linh hoạt, tổng hợp, tiếp nhận rộng mở các khuynh hướng tư duy khác để phát triển và hoàn thiện hệ thống tri thức của bản thân.

Ngoài nội dung lý luận phong phú và sâu sắc của *Thư kinh điển nghĩa*, cái làm cho *Thư kinh điển nghĩa* trở thành một trong những tác phẩm quan trọng nhất của Lê Quý Đôn, một trong những tác phẩm kinh học quan trọng nhất của lịch sử Nho học Việt Nam, còn là những đặc trưng tư duy của Lê Quý Đôn được thể hiện trong đó. Các đặc trưng tư duy đó góp phần tạo nên một nhà tư tưởng độc đáo trong lịch sử tư tưởng Việt Nam thời phong kiến: một nhà Nho có lập trường Tính lý học nhưng lại rất thực tế, không cực đoan, tư duy linh hoạt uyển chuyển, tầm nhìn rộng mở. Những đặc tính này của tư duy Lê Quý Đôn khiến cho ông nổi bật lên trong số các nhà tư tưởng đương thời. Như chúng ta đã biết, thế kỷ XVIII có thể coi là thời kỳ Nho học Việt Nam phát triển đến đỉnh cao với nhiều nhân vật lớn: Lê Hữu Trác (1720 - 1791), Nguyễn Thiếp (1723 - 1804), Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780), Phạm Nguyễn Du (1739 - 1786), Nguyễn Gia Thiều (1741 - 1798), Bùi Huy Bích (1744 - 1818), Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803) v.v., nhiều tác phẩm lớn và những khuynh hướng lý luận mới nảy sinh và

phát triển. Họ phần lớn dựa chắc trên lập trường Tính lý học, có nhiều người rất quyền biến, hoặc có tư duy dung hợp độc đáo, hoặc có những đặc điểm nổi bật khác trong tư tưởng. Ở trong số các nhà tư tưởng này, Lê Quý Đôn nổi bật lên chính là (một phần) nhờ sự hòa trộn và phát triển của các yếu tố độc đáo như trên trong tư duy của ông.

Dù vậy, *Thư kinh điển nghĩa* cũng chỉ là một trong số các tác phẩm của Lê Quý Đôn, nên nó không bao quát, không thể hiện được toàn bộ đặc trưng tư duy của Lê Quý Đôn. Để có được một hình dung đầy đủ về tư tưởng và lối tư duy của Lê Quý Đôn, cần xem xét cả những tác phẩm khác của ông, đặc biệt những tác phẩm lý luận chủ yếu của ông như *Quần thư khảo biện*, *Vân đài loại ngữ* v.v..

Việc xem xét các đặc trưng tư duy của Lê Quý Đôn không chỉ có ý nghĩa như ta nói đến ở trên - khẳng định vị trí nổi bật của Lê Quý Đôn trong dòng lịch sử tư tưởng dân tộc. Công việc này còn có ý hướng đến tìm kiếm đặc trưng tư duy của dân tộc thể hiện qua tư duy của Lê Quý Đôn - một trong những nhà tư tưởng tiêu biểu của thời đại. Tư duy của người Việt Nam có những nét đặc sắc nào, được thể hiện như thế nào trong các sách vở còn lại, có vai trò như thế nào trong lịch sử và ảnh hưởng như thế nào đến người Việt Nam hiện đại? Nghiên cứu này thực chất được gợi ý từ những câu hỏi đó và mới chỉ là một bước nhỏ trong quá trình tìm kiếm câu trả lời. □